

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Tên ngành: Quản lý đất đai

Mã ngành: 9850103

1	Tên ngành đào tạo <i>(Tiếng Việt và Anh)</i>	Quản lý đất đai Land management
2	Mã ngành	9850103
3	Đơn vị quản lý <i>(ghi Bộ môn và Khoa)</i>	Bộ môn Tài nguyên đất đai - Khoa Môi trường và TNTN
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù hợp <i>(không học bổ sung kiến thức)</i>	Quản lý đất đai
4.2	Ngành gần <i>(học bổ sung kiến thức)</i>	- Khoa học đất - Quản lý tài nguyên và môi trường - Các ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tín chỉ.
5	Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu chung: Đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực trong công tác quản lý đất đai, có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng dụng vào thực tế một cách có hiệu quả trong điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của DBSCL. Hiểu rõ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng vận dụng thành thạo các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong công tác quản lý đất đai. - Mục tiêu cụ thể <ul style="list-style-type: none"> a. Có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực thuộc quản lý đất đai, quản lý nhà nước về đất đai và làm chủ công nghệ trong quản lý đất đai, công nghệ địa chính. b. Vận dụng được những kiến thức cần thiết của các chuyên ngành liên quan nhằm nâng cao kiến thức khoa học liên ngành, phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu khoa học và phục vụ thực tiễn tốt công tác quản lý đất đai của vùng DBSCL và Quốc gia. c. Có kỹ năng chuyên môn cao trong việc Quản lý Tài nguyên đất đai, nắm vững thực tiễn Việt Nam và đặc biệt là vùng DBSCL, giải quyết một cách độc lập các vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành Quản lý tài nguyên đất đai.
6	Chuẩn đầu ra	
6.1	Kiến thức	<p>Kiến thức chuyên ngành cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Hiểu biết sâu và vận dụng tốt các kiến thức pháp luật đất đai ứng dụng, thanh tra đất đai, các thông tư, nghị định và quy định về lĩnh vực chuyên ngành quản lý đất đai. b. Có kiến thức sâu về quản lý đất đai và quản lý đô thị và tư duy hệ thống để hỗ trợ giải quyết công việc chuyên môn. c. Có kiến thức chuyên môn sâu về kỹ thuật, công nghệ trong Quản lý Đất đai. d. Có kiến thức chuyên môn sâu về khái kiến thức quy hoạch, quản lý và bảo tồn tài nguyên đất đai, dự báo biến động tài

		<p>nguyên đất đai.</p> <p>e. Năm vững, phân tích được biến động giá đất, thị trường nhà đất thông qua khái kiến thức: kinh tế tài nguyên đất đai, Quản lý & Phân tích thị trường bất động sản, phân tích sinh kế trong thay đổi sử dụng đất.</p>
6.2	Kỹ năng	<p>Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế cụ thể như sau:</p> <p>a. Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực quản lý đất đai.</p> <p>b. Có khả năng thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch nông thôn mới. Tham gia tư vấn về giá đất, thẩm định giá, bất động sản.</p> <p>c. Có tư duy phân tích hệ thống và sáng tạo, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. Có kỹ năng báo cáo, thuyết trình và thảo luận trước đám đông kết hợp với việc sử dụng ngôn ngữ, thời gian và phương tiện hỗ trợ phù hợp.</p> <p>d. Có khả năng tổng hợp, phân tích, bổ sung và đề xuất các chính sách, biện pháp phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực tài nguyên đất đai có hiệu quả.</p> <p>e. Có kỹ năng ngoại ngữ có thể hiểu được các báo cáo phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, bao gồm cả việc trao đổi học thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành.</p> <p>f. Có thể viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành; có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, phân tích quan điểm về sự lựa chọn các phương án khác nhau.</p>
6.3	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân	<p>a. Phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao. Thái độ làm việc nghiêm túc, có ý thức trong học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ và công tác.</p> <p>b. Có khả năng tìm ra nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Quản lý Đất đai. Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc</p> <p>c. Có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể;</p> <p>d. Có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.</p>
6.4	Ngoại ngữ trong quá trình học tập, nghiên cứu	Học viên tự học nâng cao khả năng ngoại ngữ
7	Đã tham khảo CTĐT của trường	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi địa chỉ website: + Chương trình ngành QLĐĐ trường Đại học Nông Lâm Huế (https://tndmt.huaf.edu.vn/2012/03/24/chuong-trinh-dao-tao-tien-si-chuyen-nganh-quan-ly-dat-dai/) + Chương trình ngành QLĐĐ Học viện nông nghiệp Việt Nam

		https://www.vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/view.html?cid=4664&tab=4664 + Chương trình ngành QLĐĐ trường Đại học Thái Nguyên (http://tnu.edu.vn/cac-nganh-dao-tao-trinh-do-tien-si-tai-dai-hoc-thai-nguyen-dn1199.html)
--	--	---

Chương trình đào tạo chi tiết

Tổng số tín chỉ: 90 TC cho người tốt nghiệp thạc sĩ; 120 TC cho người tốt nghiệp đại học.

Thời gian đào tạo: 3 năm.

Một số hướng nghiên cứu:

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
1	Thể chế - Chính sách, quản lý nhà nước về công tác quản lý đất đai	PGS. TS. Phan Trung Hiền PGS. TS. Lê Tấn Lợi TS. Nguyễn Lan Hương	2
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác, giám sát, quản lý tài nguyên đất đai	GS. TS. Võ Quang Minh TS. Võ Quốc Tuấn PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Diệp PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí PGS. TS. Nguyễn Kim Lợi	2
3	Ứng dụng công nghệ trong mô phỏng, dự báo dự đoán thảm họa thiên tai	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Nguyễn Thị Hồng Diệp TS. Võ Quốc Tuấn TS. Phan Kiều Diễm	2
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững	GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Phạm Thanh Vũ TS. Trương Chí Quang TS. Lê Cảnh Định	2
5	Đánh giá và quy hoạch chiến lược sử dụng bền vững tài nguyên đất đai	GS. TS. Lê Quang Trí PGS. TS. Nguyễn Hiếu Trung PGS. TS. Phạm Thanh Vũ TS. Lê Cảnh Định	2
6	Quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu	GS. TS. Võ Quang Minh GS. TS. Lê Quang Trí PGS. TS. Lê Tấn Lợi PGS. TS. Lê Anh Tuấn	2
7	Nghiên cứu thị trường đất đai	PGS. TS. Mai Văn Nam PGS. TS. Lê Tấn Lợi PGS. TS. Trương Đông Lộc	1
8	Quy hoạch vùng và phát triển đô thị bền vững	PGS. TS. Lê Tấn Lợi TS. Lê Ngọc Thạch	1
9	Quy hoạch, quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên đất đai bền vững	GS. TS. Lê Quang Trí GS. TS. Võ Quang Minh PGS. TS. Lê Tấn Lợi	2

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận NCS	Họ tên, học vị, chức danh khoa học người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS Có thể nhận
		PGS. TS. Lê Văn Khoa PGS. TS. Trần Văn Dũng PGS. TS. Châu Minh Khôi	

Đề cương nghiên cứu: Theo kế hoạch tập trung của Trường.

Phần 1: Học phần bổ sung

1.1. Có bằng đại học ngành phù hợp: học các học phần sau đây:

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phản kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	x		45			I, II
<i>Cộng: 3 TC (Bắt buộc 3 TC)</i>									
Phản kiến thức cơ sở									
2	MT698	Phương pháp nghiên cứu khoa học Tài nguyên & Môi trường	2	x		30			I, II
3	MTD615	Chiến lược và quản lý bền vững tài nguyên đất đai và môi trường	2	x		15	30		I, II
4	MT660	Kinh tế đất đai và bất động sản	2	x		15	30		I, II
5	MT654	Tin học chuyên ngành quản lý đất đai	2		x	15	30		I, II
6	MTD603	Khai thác và phát triển quỹ đất	2		x	30			I, II
7	MT655	Sinh hoạt học thuật	2		x	15	30		I, II
8	NN772	Hệ thống nông nghiệp trong phát triển bền vững	2		x	30			I, II
9	MTD616	Suy thoái và bảo tồn tài nguyên đất đai	2		x	15	30		I, II
10	MT699	Phép thí nghiệm và thống kê	2		x	15	30		I, II
11	MKH603	Sinh thái đất ngập nước và ứng dụng	3		x	45			I, II
12	NN780	Quản lý đô thị và khu dân cư nông thôn	2		x	15	30		I, II
<i>Cộng: 12 TC (Bắt buộc 6 TC; Tự chọn: 6 TC)</i>									
Phản kiến thức chuyên ngành									
13	MT657	GIS - Viễn thám ứng dụng	3	x		15	60		I, II
14	MT659	Đánh giá đất đai nâng cao	3	x		15	60		I, II
15	NN779	Quy hoạch sử dụng đất đai nâng cao	3	x		15	60		I, II
16	MTD602	Quy hoạch vùng và đô thị	2	x		30			I, II
17	KLK604	Pháp luật về quy hoạch, bồi thường và giải phóng mặt bằng	2	x		20	20		I, II
18	MT661	Thực tập giáo trình	1		x		45		I, II
19	MTD617	Xây dựng bản đồ tài nguyên đất đai	2		x	20	20		I, II
20	MTD618	Thống kê địa lý trong quản lý đất đai	2		x	15	30		I, II
21	MT662	Trắc địa ứng dụng	2		x	15	30		I, II

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
22	MTD607	Qui hoạch tổng thể	2		x	30			I, II
23	MTD614	Phát triển đô thị và môi trường	2		x	30			I, II
24	MTD613	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	2		x	30			I, II
25	MTD605	Biến đổi khí hậu	2		x	30			I, II
26	MTD606	Hệ thống định vị toàn cầu GPS trong quản lý đất đai	2		x	30			I, II
27	MTD608	Dự báo và quản lý thảm họa	2		x	30			I, II
28	MTD609	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất	2		x	30			I, II
29	MTD610	Chính sách đô thị	2		x	30			I, II
<i>Cộng: 15 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 2 TC)</i>									
		Tổng cộng	30	22	8				

1.2. Có bằng thạc sĩ ngành gần: học bổ sung những học phần sau đây:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	MTD615	Chiến lược và quản lý bền vững tài nguyên đất đai và môi trường	2	x		15	30		I, II
2	MT660	Kinh tế đất đai và bất động sản	2	x		15	30		I, II
3	MTD603	Khai thác và phát triển quỹ đất	2	x		30			I, II
4	MTD611	Quản lý tài nguyên đất đai trên cơ sở cộng đồng	1	x		30			I, II
5	MTD610	Chính sách đô thị	2		x	30			I, II
6	MTD607	Qui hoạch tổng thể	2		x	15	30		I, II
7	MTD608	Dự báo và quản lý thảm họa	2		x	15	30		I, II
8	MTD609	Mô hình dự báo trong quy hoạch sử dụng đất	2		x	30	30		I, II
<i>Cộng: 9 TC (Bắt buộc: 7 TC; Tự chọn 2 TC)</i>									
		Tổng cộng	9	7	2				

Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và tiểu luận tổng quan

2.1. Các học phần trình độ tiến sĩ:

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
1	MT925	Quy hoạch sử dụng đất và vùng đô thị nâng cao	2	x		15	30		I, II
2	MT926	Công nghệ tích hợp GIS và viễn thám trong quản lý đất đai nâng cao	2	x		15	30		I, II
3	MT904	Hệ thống quản lý đất đai tổng hợp	2	x		30			I, II
4	MT927	Thị trường bất động sản nâng cao	2		x	15	30		I, II
5	MT905	Công nghệ trắc địa trong quản lý đất đai	2		x	30			I, II

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
6	MT906	Mô hình không gian trong quản lý đất đai	2		x	30			I, II
7	MT907	Quản lý khai thác tài nguyên đất đai nâng cao	2		x	30			I, II
8	MT908	Quản lý đất đai và biến đổi khí hậu	2		x		30		I, II
<i>Cộng: 8 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 2 TC)</i>									
		Tổng cộng	8	6	2				

2.2. Các chuyên đề tiến sĩ

- Số chuyên đề: 2
- Tổng số tín chỉ của 2 chuyên đề: 6 TC
- Thời gian thực hiện:
 - + Chuyên đề 1: Năm thứ 1
 - + Chuyên đề 2: Năm thứ 2

2.3. Bài tiểu luận tổng quan

- Tổng số tín chỉ: 3 TC
- Thời gian thực hiện: Năm thứ 2

Phần 3: Nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, thực hiện nhiệm vụ NCS và hoàn thành luận án tiến sĩ (70 TC)

- 3.1. Nghiên cứu khoa học: Năm thứ 2 hoặc 3
- 3.2. Luận án tiến sĩ: Năm thứ 2 hoặc 3.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



Hà Thanh Toàn

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

Lê Việt Dũng

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Công

Khung khối lượng tín chỉ (TC) trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Các nội dung chính	Định mức (TC)	Số lượng	Bắt buộc (TC)	Tự chọn (TC)	Tổng TC	Ghi chú
I	Nội dung 1 và 2			14-16	4-6	20	
1	Nội dung 1: Học phần (HP) trình độ tiến sĩ	2-3 TC/HP	3-6 HP	5-7	4-6	11	4-6 2-5
2	Nội dung 2: Tiêu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ		3	9		9	
2.1	Tiêu luận tổng quan	3	1	3		3	
2.2	Chuyên đề tiến sĩ	3	2	6		6	
II	Nội dung 3: Nghiên cứu			50	20	70	
3	Bài báo khoa học (ít nhất 2 bài báo)		2	10		10	
	<i>Tạp chí KH thuộc TC ISI-Scopus</i>	6	1	6			
	<i>Tạp chí KH nước ngoài có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Kỷ yếu quốc tế có phản biện</i>	5	2	10			
	<i>Tạp chí trong nước (theo danh mục TC Trường quy định cho NCS)</i>	4	1	4			
4	Báo cáo hội nghị khoa học (trong nước/quốc tế)	2-4	1-3		7	7	Tự chọn trong mục 4
4.1	Trong nước(tiếng Việt)						
	Oral	3					
	Poster	2					
4.2	Quốc tế(tiếng nước ngoài)						
	Oral	4					
	Poster	3					
5	Seminar	0,25-2	4-11		5	5	Tự chọn trong mục 5
5.1	Thuyết trình seminar	1	4				
5.2	Tham dự báo cáo chuyên đề, seminar	0,25	8				
5.3	Seminar về kết quả nghiên cứu toàn luận án trước bảo vệ cơ sở	2	1				
6	Tham gia giảng dạy/hướng dẫn thực tập/luận văn ĐH	1-2	4-8		8	8	Tự chọn trong mục 6
6.1	Luận văn đại học	2	1-3				
6.2	Giảng dạy, hướng dẫn thực tập		1-5				Theo TT07/2015
7	Luận án			40		40	
7.1	Hoạt động nghiên cứu	30	1	30			
7.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho NHD và BM theo tiến độ; hoàn chỉnh luận án	10		10			
	TỔNG CỘNG			64-66	24-26	90	

Đối với người có bằng đại học:

Nội dung 1 được bổ sung 30 TC từ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đúng chuyên ngành

